

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM. (5,0 điểm)**Câu 1.** Các mảng kiến tạo có thể di chuyển là do

- A. sức hút mạnh mẽ từ các thiên thể mà nhiều nhất là Mặt Trời.
- B. do trục Trái Đất bị nghiêng và quay quanh Mặt Trời.
- C. do Trái Đất luôn tự quay quanh trục của chính nó.
- D. các dòng đối lưu vật chất quán đèo của lớp Manti trên.

Câu 2. Cho thông tin sau: “Trên các sườn núi hướng về hoang mạc Xa-ha-ra là cảnh quan hoang mạc núi, khắp nơi chỉ thấy sườn núi đá trơ trụi, khô cằn; gần tới đỉnh núi, nhờ nhiệt độ giảm, mát và ẩm hơn nên xuất hiện các đồng cỏ, cây bụi nhỏ”.

Dựa vào thông tin trên, cho biết sự thay đổi của các cảnh quan theo quy luật nào sau đây?

- A. Thống nhất và hoàn chỉnh.
- B. Địa ô.
- C. Đai cao.
- D. Địa đới.

Câu 3. Nguyên nhân dẫn tới quy luật địa ô là do

- A. sự luân phiên ngày đêm trên Trái Đất.
- B. bức xạ Mặt Trời thay đổi theo mùa.
- C. góc nhập xạ thay đổi từ Xích đạo về cực.
- D. sự phân bố đất liền và biển, đại dương.

Câu 4. Đặc điểm của gió mùa là

- A. độ ẩm các mùa tương tự nhau.
- B. tính chất không đổi theo mùa.
- C. nhiệt độ các mùa giống nhau.
- D. hướng gió thay đổi theo mùa.

Câu 5. Nơi nào sau đây trong năm luôn có thời gian ngày và đêm dài bằng nhau?

- A. Xích đạo.
- B. Chí tuyến.
- C. Cực.
- D. Vòng cực.

Câu 6. Ứng dụng nổi bật của GPS là

- A. chống trộm cho các phương tiện.
- B. định vị đối tượng.
- C. điều hành sự di chuyển đối tượng.
- D. tìm người và thiết bị đã mất.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây đúng với quá trình phong hoá?

- A. Tích tụ (tích lũy) các vật liệu đã bị phá huỷ.
- B. Phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu.
- C. Chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó.
- D. Di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác.

Câu 8. Các sông ở miền núi có lũ lên nhanh và xuống nhanh là do

- A. đặc điểm của đất dễ thấm nước.
- B. có rừng che phủ.
- C. có nhiều hồ, đầm.
- D. độ dốc của địa hình.

Câu 9. Loại gió nào sau đây thổi gần như quanh năm và có tính chất khô?

- A. Gió Mậu dịch.
- B. Gió mùa.
- C. Gió biển.
- D. Gió Tây ôn đới.

Câu 10. Theo qui ước, nếu đi từ phía Đông sang phía Tây qua đường chuyển ngày quốc tế phải

- A. lùi lại 1 giờ.
- B. tăng thêm 1 ngày lịch.
- C. lùi lại 1 ngày lịch.
- D. tăng thêm 1 giờ.

Câu 11. Băng tuyết phổ biến nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Vùng xích đạo.
- B. Vùng ôn đới.
- C. Vùng cực.
- D. Vùng chí tuyến.

Câu 12. Trong tự nhiên, một thành phần thay đổi sẽ dẫn đến sự thay đổi của các thành phần còn lại là biểu hiện của quy luật

- A. địa ô.
- B. thống nhất và hoàn chỉnh.
- C. địa đới.
- D. đai cao.

Câu 13. Càng lên núi cao, nhiệt độ không khí càng

- A. giảm rồi tăng.
- B. giảm xuống.
- C. không đổi.
- D. tăng lên.

Câu 14. Các địa phương có cùng một giờ khi nằm trong cùng một

A. vĩ tuyến.

B. kinh tuyến.

C. múi giờ.

D. khu vực.

Câu 15. Nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến nguồn cung cấp nước cho sông là

A. chế độ mưa và băng tuyết tan.

B. nước trên mặt và nước ngầm.

C. băng tuyết tan và nước ngầm.

D. chế độ mưa và nước ngầm.

B. PHẦN TỰ LUẬN. (5 điểm):**Câu 1. (2 điểm)** Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa trên Trái Đất**Câu 2. (2 điểm)** Tại sao bảo vệ nguồn nước ngọt là yêu cầu cấp bách của tất cả các quốc gia trên thế giới hiện nay? Nêu các giải pháp chủ yếu để bảo vệ các nguồn nước ngọt trên Trái Đất.**Câu 3. (1 điểm)** Cho bảng số liệu sau:**Lưu lượng nước trung bình tháng của sông Thu Bồn**(Đơn vị: m^3/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Sông												
Thu Bồn	202	115	75,1	58,2	91,4	120	88,6	69,6	151	519	954	448

Hãy tính tổng lưu lượng nước, lưu lượng nước trung bình tháng trong năm và cho biết thời gian mùa lũ, mùa cạn của sông Thu Bồn.

----- **HẾT** -----**ĐÁP ÁN****I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

1	2	3	4	5
D	C	D	D	A
6	7	8	9	10
B	B	D	A	B
11	12	13	14	15
C	B	B	C	B

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu	Nội dung	Điểm
1	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa trên Trái Đất	2,0
	- Khí áp: + Áp thấp: Hút gió và đẩy không khí ẩm lên cao, sinh ra mây và mưa. + Áp cao: Không khí ẩm không bốc lên được, lại chỉ có gió thổi đi không có gió thổi đến nên ít mưa.	0,5
	.- Frông: + Do sự tranh chấp giữa hai khối khí nóng và lạnh dọc các F dẫn đến nhiễu động không khí và sinh ra mưa. + Miền có frông và dải hội tụ nhiệt đới đi qua thường có mưa lớn.	0,25
	- Gió: - Những vùng nằm sâu trong nội địa không có gió từ đại dương thổi vào thì mưa ít. - Miền có hoạt động của gió Mậu dịch thì mưa ít, miền có hoạt động của gió mùa thì mưa nhiều.	0,5
	Dòng biển: + Dòng biển nóng: Không khí trên dòng biển nóng chứa nhiều hơi nước, gió đưa hơi nước vào lục địa gây mưa + Không khí trên dòng biển lạnh không bốc lên được nên mưa rất ít	0,5
	Địa hình: + Theo độ cao: Càng lên nhiệt độ càng giảm, độ ẩm tăng nên mưa nhiều nhưng chỉ đến một độ cao nhất định nào đó thì không còn mưa nữa. + Theo hướng sườn: Sườn đón gió mưa nhiều, khuất gió mưa ít (hiệu ứng phơn).	0,25
2	Tại sao bảo vệ nguồn nước ngọt là yêu cầu cấp bách của tất cả các quốc gia	2

	<p>trên thế giới hiện nay? Nêu các giải pháp chủ yếu để bảo vệ các nguồn nước ngọt trên Trái Đất.</p> <p>- Bảo vệ nguồn nước ngọt là yêu cầu cấp bách của tất cả các quốc gia trên thế giới hiện nay vì:</p> <p>Nguồn nước ngọt có vai trò rất quan trọng, nhu cầu nước ngọt ngày càng lớn do dân số ngày càng đông, trong khi đó nguồn nước ngọt lại đang bị suy thoái, ô nhiễm...</p>	1
	<p>Nêu các giải pháp chủ yếu để bảo vệ các nguồn nước ngọt trên Trái Đất.</p> <p>+ Sử dụng nguồn nước ngọt một cách hiệu quả, tiết kiệm và tránh lãng phí.</p> <p>+ Giữ sạch nguồn nước, tránh ô nhiễm nguồn nước ngọt.</p> <p>+ Phân phối lại nguồn nước ngọt trên thế giới.</p>	1
3	<p>Hãy tính tổng lưu lượng nước, lưu lượng nước trung bình tháng trong năm và cho biết thời gian mùa lũ, mùa cạn của sông Thu Bồn.</p>	1
	Tổng lưu lượng nước: 2891,9 m ³ /s	0,25
	Lưu lượng nước trung bình tháng trong năm: 241 m ³ /s	0,25
	Mùa lũ từ tháng 10 đến tháng 12	0,25
	Mùa cạn từ tháng 1 đến tháng 9	0,25